

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBN22B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02009** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Bao bì thực phẩm**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201021270	Lâm Quốc	Bảo	03/03/2007			9	10.0	9.0		8.5		8.9
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo	Chiêu	27/06/2007			8	10.0	8.0		8.5		8.6
3	2256201021276	Nguyễn Long	Giang	30/11/2007			9	10.0	9.0		8.5		8.9
4	2256201021277	Trương Nhật	Hào	20/10/2007			9	10.0	9.0		8.5		8.9
5	2256201021278	Ngô Dương Trung	Hậu	22/05/2007			9	8.0	9.0		0.0		3.4
6	2256201021280	Huỳnh Trí	Khang	16/11/2006			8	10.0	8.0		8.8		8.8
7	2256201021282	Trần Trúc	Lam	28/11/2007			9	8.0	9.0		8.5		8.5
8	2256201021283	Phạm Chí	Linh	03/04/2007			9	10.0	9.0		8.8		9.0
9	2256201021284	Lê Thành	Nam	03/10/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2256201021285	Nguyễn Văn	Nam	25/09/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2256201021286	Nguyễn Hữu	Quốc	05/09/2006			10	10.0	10.0		5.5		7.3
12	2256201021287	Lê Thị Bảo	Ngân	03/10/2007			9.5	10.0	9.5		0.0		3.9
13	2256201021288	Hồ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2007			8	9.0	8.0		7.5		7.9
14	2256201021289	Bùi Thanh	Nhật	28/12/2007			5	10.0	5.0		8.8		8.1
15	2256201021290	Nguyễn Hữu	Tâm	14/07/2007			10	10.0	10.0		8.8		9.3
16	2256201021291	Lê Minh	Thắng	03/07/2007			9	10.0	9.0		8.8		9.0
17	2256201021294	Nguyễn Chí	Thiện	28/11/2007			6.5	10.0	6.5		8.5		8.3
18	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007			6	10.0	6.0		8.5		8.1
19	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007			8	10.0	8.0		7.8		8.2
20	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007			6.5	10.0	6.5		8.8		8.4
21	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007			9	10.0	9.0		7.8		8.4
22	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007			5	7.0	5.0		8.8		7.6
23	2256201021300	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006			9.5	10.0	9.5		8.8		9.2
24	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005			5	5.0	5.0		5.0		5.0

Châu Đốc, ngày 31 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Võ Thị Mỹ Dung